

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXII

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 2

Này thiện nam! Tranh luận như vậy là cảnh giới của Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh văn, Duyên giác. Nếu người đối với vấn đề này sinh lòng nghi ngờ thì còn có thể tiêu hoại vô lượng phiên não như núi Tu-di. Nếu người ở trong vấn đề này sinh ra quyết định thì đó gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người như vậy, hoặc theo người khác nghe, hoặc tự tìm ở kinh điển, hoặc người khác dạy bảo cho, mà đối với những việc đã nhận được chẳng thể buông bỏ thì đó gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy chấp trước là thiện hay bất thiện?

–Này thiện nam! Chấp trước chẳng gọi là thiện. Vì sao? Vì chẳng thể tiêu hoại các lưới nghi.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy con người vốn tự chẳng nghi ngờ thì làm sao mà nói rằng chẳng hoại lưới nghi?

–Này thiện nam! Phàm chẳng nghi tức là nghi.

–Thưa Thế Tôn! Nếu có người cho là hàng Tu-đà-hoàn chẳng rơi vào ba ác thì người đó cũng phải gọi là chấp trước, gọi là nghi?

–Này thiện nam! Đó có thể gọi là định, chẳng được gọi là nghi.

Vì sao? Này thiện nam! Ví như có người trước thấy người và cây. Sau đó đi đêm từ xa thấy gốc cây liền sinh tưởng nghi ngờ là người hay là cây? Này thiện nam! Như người trước thấy Tỳ-kheo và Phạm chí, sau đó trên đường từ xa thấy Tỳ-kheo liền sinh tưởng nghi ngờ là Sa-môn hay là Phạm chí? Này thiện nam! Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò liền sinh tưởng nghi ngờ là bò hay là trâu? Này thiện nam! Tất cả chúng sinh trước thấy hai vật thì về sau liền sinh ra nghi ngờ. Vì sao? Vì tâm chẳng hiểu rõ. Ta cũng chẳng nói hàng Tu-đà-hoàn có đọa vào ba ác, chẳng đọa vào ba ác thì người đó vì sao sinh lòng nghi?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, cần phải trước thấy rồi sau đó mới nghi. Nhưng có người chưa thấy hai thứ vật cũng sinh nghi là sao? Như là Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Ví như có người trên đường đi gặp vũng nước đục, nhưng chưa từng thấy, mà vẫn sinh nghi ngờ, nước như vậy là sâu hay là cạn? Người này chưa thấy thì làm sao sinh nghi?

–Này thiện nam! Phàm Niết-bàn tức là đoạn khổ, chẳng phải Niết-bàn tức là khổ. Cái thấy của tất cả chúng sinh có hai thứ: Khổ, chẳng phải khổ. Khổ, chẳng phải khổ tức là đối khát, nóng lạnh, sân giận, vui mừng, bệnh ốm, yên ổn, già, trẻ, sinh, chết, trói buộc, giải thoát, ân ái biệt ly, oán ghét tụ hội. Chúng sinh thấy rồi liền sinh nghi ngờ: “Phải chăng có sự xa lìa rốt ráo khổ não như vậy?”. Vậy nên chúng sinh đối với Niết-bàn mà sinh ra nghi vậy. Theo ý ông nếu cho rằng, người này trước khi đến chưa thấy vũng nước đục mà làm sao sinh nghi ngờ thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì người đó đã thấy ở chỗ khác rồi. Vậy nên ở chỗ này chưa từng đến mà lại sinh nghi.

–Bạch Thế Tôn! Người này khi trước thấy chỗ sâu, cạn rồi chẳng sinh nghi, đến nay vì sao mà lại sinh nghi?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì trước kia chưa đi nên đã sinh nghi. Vậy nên Ta nói, chẳng rõ nên nghi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nghi tức là chấp trước, chấp trước tức là nghi, là ai vậy?

–Này thiện nam! Là người đoạn thiện căn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể đoạn thiện căn?

–Này thiện nam! Nếu có người thông minh, trí tuệ, căn tánh lanh lợi, có thể giỏi phân biệt mà xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng theo đúng như pháp mà trụ thì người như vậy có thể cắt đứt căn lành. Người lìa khỏi bốn việc đó thì lòng tự suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì thí tức là xả bỏ của cải. Nếu bố thí có quả báo thì phải biết thí chủ đáng lẽ thường nghèo cùng. Vì sao? Vì hạt với quả tương tự. Vậy nên nói, không nhân không quả”. Nếu nói không nhân không quả như vậy thì đó gọi là cắt đứt căn lành. Người đó lại khởi ý nghĩ: “Thí chủ, người nhận và cả tài vật ba việc đều vô thường, không có đình trụ. Nếu không đình trụ thì làm sao nói, đây là thí chủ, người nhận, tài vật? Nếu không người nhận thì làm sao được quả báo? Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Người bố thí khi thí có năm việc thí. Người nhận đã nhận rồi hoặc có khi làm thiện, hoặc làm bất thiện mà thí chủ này cũng lại chẳng được quả thiện hay bất thiện. Như pháp thế gian, từ hạt sinh ra quả, rồi quả trở lại làm hạt. Nhân tức là thí chủ, quả tức là người nhận mà người nhận này chẳng thể dùng pháp thiện hay bất thiện này để khiến cho thí chủ được. Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Không có vật thí. Vì sao? Vì vật thí vô ký. Nếu là vô ký thì làm sao được quả báo thiện? Không quả báo thiện ác tức là vô ký. Của cải nếu vô ký thì phải biết là không quả báo thiện ác. Vậy nên không thí, không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Thí tức là ý. Nếu là ý thì không

thấy, không đối, chẳng phải là sắc pháp. Nếu chẳng phải là sắc pháp thì làm sao có thể thí. Vậy nên không thí, không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Thí chủ nếu vì tượng Phật, tượng trời, cha mẹ quá cố mà hành thí tức là không người nhận. Nếu không người nhận thì không quả báo. Nếu không quả báo thì đó là không nhân. Nếu không nhân thì không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Không cha, không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh sinh ra chúng sinh thì đáng lẽ thường sinh không có đoạn tuyệt. Vì sao? Vì nhân thường có vậy. Nhưng mà chẳng thường sinh. Vậy nên phải biết là không có cha mẹ”. Lại nghĩ: “Không cha không mẹ. Vì sao? Vì nếu thân chúng sinh nhân cha mẹ mà có thì một người nên đủ hai căn nam và nữ. Nhưng mà không đủ thì phải biết là chúng sinh chẳng phải nhân cha mẹ”. Lại nghĩ: “Chẳng phải nhân cha mẹ mà sinh ra chúng sinh. Vì sao? Vì mắt thấy chúng sinh chẳng giống cha mẹ như là thân sắc, tâm, oai nghi, lùì tối. Vậy nên cha mẹ chẳng phải là nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ: “Tất cả thế gian có bốn thứ không: Một là chưa sinh ra gọi là không như khi cục bùn chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt rồi gọi là không như khi bình vỡ rồi thì đó gọi là không. Ba là đều khác nhau không có trong nhau như trong bò không ngựa, trong ngựa không bò. Bốn là rốt ráo là không như sừng hổ, lông rùa. Cha mẹ của chúng sinh cũng như vậy, đồng với bốn không này. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì khi cha mẹ chết mà con chẳng nhất định chết? Vậy nên cha mẹ chẳng phải nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ: “Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì đáng lẽ nhân cha mẹ thường sinh ra chúng sinh. Nhưng lại có hóa sinh, thấp sinh. Vậy nên phải biết chẳng phải nhân cha mẹ sinh ra chúng sinh”. Lại nghĩ: “Tự có chúng sinh, chẳng phải nhân cha mẹ mà được sinh trưởng. Ví như chim khổng tước nghe tiếng sấm mà có thai. Lại như con sẻ xanh uống nước mắt con sẻ đực mà có thai. Như loài chim mạng mạng thấy con trống thì múa mà có thai”. Khi khởi những ý niệm này mà người ấy chẳng gặp thiện tri thức thì phải biết người đó có thể cắt

đứt căn lành. Có người lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có quả báo thiện ác. Vì sao? Vì có những chúng sinh đủ mười pháp thiện, ưa bố thí, siêng tu công đức mà người này cũng lại bị bệnh tật, chết yểu, tài vật tổn thất, chịu nhiều ưu khổ. Có chúng sinh làm mười điều ác, tham lam keo kiệt, ganh ghét, lười biếng, chẳng tu các điều thiện mà họ được thân yên ổn không bệnh, sống lâu trọn đời, thừa thừa của báu, không có các sầu khổ. Vậy phải biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Ta cũng từng nghe các bậc Thánh nhân nói, có người tu thiện khi mạng chung đọa vào ba đường ác, có người làm ác khi mạng chung được sinh lên cõi trời, người. Vậy phải biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Tất cả Thánh nhân có hai lối nói, hoặc nói sát sinh được quả báo thiện, hoặc nói sát sinh bị quả báo ác. Vậy phải biết lời nói của thánh bất định. Thánh nếu bất định thì ta làm sao định được? Vậy nên biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao? Vì nếu nói là Thánh nhân thì đáng lẽ được chánh đạo. Khi tất cả chúng sinh đầy đủ phiền não mà tu chánh đạo thì phải biết người tu đó đều có chánh đạo và phiền não cùng một lúc. Nếu có cùng một lúc thì phải biết là chánh đạo chẳng thể phá kết. Nếu không phiền não mà tu chánh đạo thì như vậy việc làm của chánh đạo là gì? Vậy người đủ phiền não thì đạo chẳng thể hoại, chẳng đủ phiền não thì đạo vô dụng. Vậy phải biết là tất cả thế gian không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử, mười hai nhân duyên này, tất cả chúng sinh đều cùng có. Tám thánh đạo thì tánh của chúng sinh bình đẳng cũng nên như vậy: Khi một người được thì đáng lẽ tất cả đều được, khi một người tu thì đáng lẽ tất cả khổ diệt. Vì sao? Vì phiền não bình đẳng. Nhưng mà nay thì chẳng được. Vậy nên phải biết là không có chánh đạo”. Họ lại nghĩ: “Thánh nhân đều có việc đồng với phàm phu như là ăn uống, đi, đứng, nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, nóng lạnh, ưu sầu, sợ hãi. Nếu họ đồng với phàm phu trong những việc như vậy thì phải biết Thánh nhân chẳng được đạo Thánh. Nếu được đạo thánh thì các vị ấy cần phải cắt đứt vĩnh viễn những việc như vậy. Những việc như vậy mà các vị ấy chẳng cắt đứt thì phải biết không có Thánh đạo”.

Họ lại nghĩ: “Thánh nhân có thân hưởng thọ niềm vui năm dục, cũng lại nhục mạ đánh đập người, ganh ghét, kiêu mạn, chịu khổ vui, tạo tác nghiệp thiện ác. Do nhân duyên này nên biết không có Thánh nhân. Nếu có đạo thì nên cắt đứt việc này. Việc này chẳng cắt đứt thì phải biết là không có đạo”. Họ lại nghĩ: “Người nhiều thương xót thì gọi là Thánh nhân. Vì nhân duyên gì gọi là Thánh nhân? Vì nhân duyên đạo nên gọi là Thánh nhân. Nếu tánh của đạo là thương xót thì nên thương nghĩ đến tất cả chúng sinh chẳng đợi tu rồi sau đó mới được. Như đạo ấy không thương xót thì vì sao Thánh nhân nhận được đạo Thánh có thể thương xót? Vậy phải biết là đời không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Tất cả bốn đại chẳng từ nhân mà sinh, chúng sinh đều có tánh bốn đại này thì chẳng quan sát chúng sinh bên này nên đến, bên kia chẳng nên đến. Nếu có tánh Thánh đạo thì nên như vậy. Nhưng mà nay chẳng vậy. Vậy nên biết là đời không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Nếu các Thánh nhân có một Niết-bàn thì phải biết là không có Thánh nhân. Vì sao? Vì chẳng thể đắc. Theo lý của pháp thường trụ thì chẳng thể được, chẳng thể lấy hay bỏ. Nếu các Thánh nhân Niết-bàn nhiều tức là vô thường. Vì sao? Vì pháp có thể tánh. Niết-bàn nếu khi mỗi một người được thì tất cả nên được. Niết-bàn nếu nhiều tức là có giới hạn mà có giới hạn thì làm sao gọi là thường? Nếu có người nói, thể của Niết-bàn là một mà giải thoát thì nhiều như vòm miệng thì một mà răng, lưỡi thì nhiều. Nghĩa lý này chẳng đúng. Vì sao? Vì mỗi một đều sở đắc riêng, chẳng phải tất cả được. Vì cũng có giới hạn nên phải là vô thường. Nếu đã vô thường thì làm sao được gọi là Niết-bàn? Niết-bàn nếu không thì ai là Thánh nhân? Vậy nên biết là không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được. Nếu đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được thì vì sao tất cả chẳng làm Thánh nhân? Nếu tất cả người chẳng phải Thánh nhân thì phải biết là không có Thánh nhân và cả Thánh đạo”. Họ lại nghĩ: “Đức Thánh nói, chánh kiến có hai nhân duyên, một là từ người khác nghe pháp, hai là bên trong tự suy nghĩ. Hai nhân duyên này nếu từ duyên sinh ra thì cái mà từ đó sinh ra lại cũng từ duyên sinh ra. Như vậy đáp đối cho đến vô cùng. Còn nếu hai việc này chẳng từ duyên sinh ra thì tất

cả chúng sinh vì sao chẳng được”. Khi khởi những sự quan sát này thì có thể cắt đứt căn lành. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh thấy sâu không nhân không quả như vậy thì người đó có thể cắt đứt năm căn như tín căn v.v... Nay thiện nam! Người cắt đứt căn lành chẳng phải là người thấp hèn ngu độn, cũng chẳng phải ở trong cõi trời và ba đường ác. Kẻ phá Tăng cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy thì khi nào trở lại thiện căn?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Người như vậy có hai trường hợp sinh trở lại thiện căn. Đó là khi mới vào địa ngục và khi ra khỏi địa ngục.

Nay thiện nam! Thiện có ba thứ, quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh của nó tự diệt. Nhân tuy diệt mà quả báo chưa chín, vậy nên không gọi là đoạn quả của quá khứ, đoạn nhân của ba đời, nên gọi là đoạn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn nhân của ba đời thì gọi là đoạn thiện căn, mà người đoạn thiện căn thì có Phật tánh. Như vậy Phật tánh chính là quá khứ hay chính là hiện tại hay chính là vị lai hay là khắp ba đời? Nếu là quá khứ thì làm sao gọi là thường? Phật tánh chính là thường. Vậy nên phải biết chẳng phải là quá khứ. Nếu là vị lai thì làm sao gọi là thường? Vì sao Phật nói tất cả chúng sinh nhất định sẽ được? Nếu nhất định được thì làm sao nói là đoạn? Nếu là hiện tại thì làm sao lại thường? Vì sao lại nói nhất định sẽ thấy? Như Lai cũng nói Phật tánh có sáu, một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người đoạn thiện căn có Phật tánh thì chẳng được gọi là đoạn thiện căn. Nếu không có Phật tánh thì tại sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Nếu nói, Phật tánh cũng có, cũng đoạn thì sao Như Lai lại nói là thường?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Như Lai Thế Tôn đối với chúng sinh nên có bốn cách đáp, một là định đáp, hai là phân biệt đáp, ba là tùy vấn đáp, bốn là trí đáp.

Này thiện nam! Sao gọi là định đáp? Nếu hỏi: “Nghiệp ác được quả thiện hay quả bất thiện?” thì nên quyết định đáp, bị quả bất thiện và thiện cũng như vậy mà đáp. Nếu hỏi: “Như Lai có Nhất thiết trí không?” thì nên quyết định đáp, chính là Nhất thiết trí. Nếu hỏi: “Pháp Phật có thanh tịnh chăng?” thì nên quyết định đáp, nhất định thanh tịnh. Nếu hỏi: “Đệ tử của Như Lai có đúng như pháp mà trụ không?” thì nên quyết định đáp, có đúng như pháp mà trụ. Đó gọi là định đáp.

Sao gọi là phân biệt đáp? Như lời nói về pháp bốn chân đế của Ta. Những gì là bốn? Khổ, tập, diệt, đạo. Sao gọi là Khổ đế? Có tám khổ nên gọi là Khổ đế. Sao gọi là Tập đế? Nhân của năm ấm nên gọi là Tập đế. Sao gọi là Diệt đế? Tham dục, sân, si hết rốt ráo nên gọi là Diệt đế. Sao gọi là Đạo đế? Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là Đạo đế. Đó gọi là phân biệt đáp.

Sao gọi là tùy vấn đáp? Như lời Ta nói, tất cả các pháp vô thường. Lại có người hỏi: “Đức Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói đến vô thường?” thì đáp: “Như Lai vì pháp hữu vi nên nói vô thường”. Đối đáp về vô ngã cũng vậy. Như lời Ta nói, tất cả các pháp đều thiêu đốt. Lại hỏi: “Đức Như Lai Thế Tôn nhằm vào pháp nào mà nói tất cả đều thiêu đốt?” thì đáp: “Như Lai vì tham, sân, si nên nói tất cả thiêu đốt”.

Này thiện nam! Mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, ba niệm xứ, tám muôn ức các môn Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ba vạn năm ngàn các môn Tam-muội ngữ trí ấn v.v... bốn ngàn hai trăm các môn Tam-muội kim cang định v.v..., phương tiện Tam-muội nhiều vô lượng vô biên v.v... những pháp như vậy là Phật tánh của Phật. Phật tánh như vậy thì có bảy tính chất: Một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đó gọi là phân biệt đáp. Này thiện nam! Phật tánh của Bồ-tát thân sau có sáu việc: Một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn là thật, năm là thiện, sáu là ít thấy. Đó là phân biệt đáp. Như trước ông hỏi, người đoạn thiện căn có Phật tánh thì người đó cũng có Phật tánh Như Lai, cũng có Phật tánh thân sau. Hai Phật tánh này chướng ngại vị lai nên được gọi là không rốt ráo

được, nên được gọi là có. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh của thân sau thì hiện tại, vị lai ít có thể thấy nên được gọi là hiện tại. Chưa thấy đủ nên gọi là vị lai. Khi Như Lai chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, còn quả thì chẳng vậy, có quả là ba đời, có quả chẳng ba đời. Nhân Phật tánh của Bồ-tát thân sau cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Bồ-tát Cửu Trụ có sáu tính chất. Một là thường, hai là thiện, ba là chân, bốn là thật, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Bồ-tát Bát Trụ xuống đến Lục Trụ có năm tính chất: Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là có thể thấy. Nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Bồ-tát Ngũ Trụ xuống đến Sơ Trụ có năm tính chất: Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là có thể thấy, năm là thiện hay bất thiện. Năm thiện nam! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh này thì người đoạn thiện căn nhất định sẽ được nên được nói rằng có. Đó gọi là phân biệt đáp.

Nếu có người nói: “Người đoạn thiện căn thì quyết định có Phật tánh, quyết định không có Phật tánh. Đó gọi là trí đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe mà không trả lời mới gọi là trí đáp. Như Lai dùng nhân duyên gì để đáp, mà gọi là trí đáp.

–Này thiện nam! Ta cũng không nói trí mà chẳng đáp, mới gọi là trí đáp. Này thiện nam! Như vậy trí đáp lại có hai thứ: một là chận đứng, hai là không để ý, theo nghĩa này nên gọi là trí đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói thì sao gọi là nhân cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai? Quả cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai? Chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Năm ấm có hai thứ, một là nhân, hai là quả. Là nhân thì năm ấm là quá khứ, hiện tại, vị lai. Là quả thì năm ấm cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và cũng chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai. Này thiện nam! Kiết sử của tất cả vô minh phiền não đều là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân của Phật tánh. Từ vô minh, hành v.v... và các phiền não được năm ấm thiện thì đó gọi là Phật tánh. Từ năm ấm thiện mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên ở trong kinh trước Ta đã nói, Phật tánh của chúng sinh như máu với sữa hòa lẫn. Máu tức là vô minh, hành v.v... tất cả phiền não. Sữa tức là năm ấm thiện. Vậy nên Ta nói, từ các phiền não và năm ấm thiện được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thân chúng sinh đều từ tinh huyết-mà được thành tựu, Phật tánh cũng vậy. Hàng Tu-đà-hoàn, hàng Tư-đà-hàm vì đoạn ít phiền não nên Phật tánh như sữa. Phật tánh của hàng A-na-hàm như sữa đặc, của hàng A-la-hán giống như váng sữa, của hàng Phật-bích-chi cho đến Bồ-tát Thập Trụ giống như bơ. Phật tánh của Như Lai giống như đề hồ. Này thiện nam! Phiền não hiện tại làm chướng ngại nên khiến cho các chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Như trong núi Hương có loại cỏ Nhẫn nhục mà chẳng phải tất cả bò đều có thể ăn được, Phật tánh cũng vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu vị lai có thì vì sao nói, người đoạn thiện căn có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như các chúng sinh có nghiệp quá khứ mà nhân nghiệp này nên chúng sinh hiện tại thọ quả báo. Còn chúng sinh có nghiệp vị lai, do chưa sinh ra nên nhất định chẳng sinh quả báo. Có phiền não hiện tại hoặc không phiền não thì tất cả chúng sinh nên rõ ràng thấy Phật tánh. Vậy nên người đoạn thiện căn do nhân duyên phiền não đời hiện tại có thể cắt đứt căn lành. Những đời vị lai nhờ nhân duyên của lực Phật tánh nên trở lại sinh ra thiện căn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vị lai làm sao có thể sinh ra thiện căn?

–Này thiện nam! Giống như đèn và mặt trời tuy lại chưa sinh ra nhưng cũng có thể phá bóng tối, thì sự sinh của vị lai có thể sinh ra chúng sinh. Phật tánh vị lai cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói năm ấm là Phật tánh thì vì sao nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì nhân duyên gì mà ông quên như vậy? Ta trước chẳng đã nói Phật tánh của chúng sinh là trung đạo đó sao?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con thật chẳng quên. Nhưng do việc chúng sinh đối với trung đạo này chẳng thể hiểu nên con hỏi mà thôi.

–Này thiện nam! Chúng sinh chẳng hiểu tức là trung đạo: Hoặc khi có hiểu, hoặc có khi chẳng hiểu. Này thiện nam! Ta vì chúng sinh được khai giải mà nói, Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì sao? Vì chúng sinh phạm phu hoặc nói, Phật tánh trụ ở trong năm ấm như trong đồ đựng có trái cây. Hoặc nói, lia năm ấm có Phật tánh giống như hư không. Vậy nên Như Lai nói trung đạo, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong sáu nhập, chẳng phải ngoài sáu nhập mà trong ngoài hợp lại nên gọi là trung đạo. Vậy nên Như Lai tuyên nói Phật tánh tức là trung đạo, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài? Này thiện nam! Hoặc nói, Phật tánh tức là ngoại đạo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ở vô lượng kiếp, ở trong ngoại đạo, cắt đứt các phiền não, điều phục tâm mình, giáo hóa chúng sinh rồi sau đó mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó Phật tánh tức là ngoại đạo. Hoặc nói, Phật tánh tức là nội đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát tuy ở trong vô lượng kiếp, tu tập ngoại đạo nhưng nếu lia khỏi nội đạo thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó Phật tánh tức là nội đạo. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là

trong ngoài, gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc nói, Phật tánh tức là thân kim cương của Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao? Vì chẳng hư dối. Hoặc nói, Phật tánh tức là Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại từ đại bi và Bốn niệm xứ, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Vì sao? Vì nhân Tam-muội này mà sinh ra thân kim cương ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói, Phật tánh tức là bên trong tư duy tốt. Vì sao? Vì lìa khỏi tư duy tốt thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Phật tánh tức là bên trong tư duy tốt. Hoặc có người nói, Phật tánh tức là theo người khác nghe pháp. Vì sao? Vì theo người khác nghe pháp thì có thể bên trong tư duy tốt. Nếu chẳng nghe pháp thì không có tư duy. Do đó Phật tánh tức là theo người khác nghe pháp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Lại nữa, này thiện nam! Lại có người nói, Phật tánh là ngoài như Đàn Ba-la-mật mà từ Đàn Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nói, Đàn Ba-la-mật tức là Phật tánh. Hoặc có người nói, Phật tánh là bên trong như là năm Ba-la-mật (còn lại). Vì sao? Vì lìa khỏi năm việc này thì phải biết là không có nhân quả Phật tánh. Do đó nói, năm Ba-la-mật tức là Phật tánh. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói, Phật tánh ở trong ví như viên ngọc báu trên trán của lực sĩ. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh như viên ngọc báu. Do đó nói, Phật tánh ở bên trong. Hoặc có người nói, Phật tánh ở bên ngoài như bảo tàng của người nghèo. Vì sao? Vì do phương tiện nên mới được thấy. Phật tánh cũng vậy, ở bên ngoài chúng sinh, phải dùng phương tiện mới được thấy nó. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải

trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo.

Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Vì sao? Vì Phật tánh tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao? Vì hư không của thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo nhưng chẳng thể thấy được mà Phật tánh có thể thấy. Vậy nên tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Vì sao? Vì lông rùa, sừng thỏ dùng vô lượng phương tiện khéo léo vẫn chẳng thể sinh được mà Phật tánh có thể sinh ra. Vậy nên Phật tánh tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Nên Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không mà cũng có cũng không. Sao gọi là có? Tất cả đều có. Những chúng sinh này chẳng đoạn, chẳng diệt như ngọn đèn cháy sáng, cho đến đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là có. Sao gọi là không? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có tất cả pháp Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên gọi là không. Có không hợp lại tức là trung đạo. Vậy nên Phật nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Này thiện nam! Nếu có người hỏi: “Trong chủng tử này có quả hay không có quả?” thì nên đáp chắc chắn: “Cũng có cũng không”. Vì sao? Vì lìa hạt thì chẳng thể sinh ra quả. Vậy nên gọi là có. Hạt chưa mọc mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên cũng có cũng không. Vì sao? Vì thời tiết có khác nhưng thể ấy là một. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Nếu nói, trong chúng sinh có Phật tánh riêng khác thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì chúng sinh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sinh chỉ vì thời tiết khác mà có tịnh hay bất tịnh. Này thiện nam! Nếu có người hỏi: “Hạt giống này có thể sinh ra quả không? Quả này có thể sinh ra hạt không?” thì nên quyết đáp chắc chắn: “Cũng sinh, cũng chẳng sinh”.

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói trong sữa có sữa đặc, thì nghĩa đó ra sao?

–Này thiện nam! Nếu có người nói, trong sữa có sữa đặc thì đó gọi là chấp trước. Nếu nói không có sữa đặc thì gọi là hư vọng. Lìa khỏi hai việc này thì nên nói chắc chắn, cũng có cũng không. Vì sao gọi là có? Vì từ sữa sinh ra sữa đặc. Nhân tức là sữa, quả tức là sữa đặc. Đó gọi là có. Sao gọi là không? Sắc vị đều khác, cách dùng

chẳng đồng: Bệnh nóng uống sữa, bệnh lạnh uống sữa đặc. Sữa sinh ra bệnh lạnh, sữa đặc sinh ra bệnh nóng. Đây thiện nam! Nếu nói trong sữa có tánh sữa đặc thì sữa tức là sữa đặc, sữa đặc tức là sữa. Nếu tánh của chúng là một thì vì nhân duyên gì sữa xuất hiện trước mà sữa đặc chẳng sinh ra trước? Nếu có nhân duyên thì tất cả người đời vì sao chẳng nói. Còn nếu không nhân duyên thì vì sao sữa đặc chẳng xuất hiện trước? Nếu sữa đặc chẳng xuất hiện trước thì ai tạo tác thứ lớp sữa, sữa đặc, váng sữa, bơ, đề hồ? Vậy nên biết là, sữa đặc trước không nay có. Nếu trước không nay có tức là pháp vô thường. Đây thiện nam! Nếu có người nói, sữa có tánh sữa đặc nên có thể sinh ra sữa đặc. Nước không có tánh của sữa đặc nên chẳng sinh ra sữa đặc, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nước và cỏ cũng có tánh của sữa và sữa đặc. Vì sao? Vì nhân nước và cỏ thì sinh ra sữa và sữa đặc. Nếu nói trong sữa quyết định có tánh của sữa đặc mà nước và cỏ không thì đó gọi là hư vọng. Vì sao? Vì lòng chẳng bình đẳng nên nói hư vọng. Đây thiện nam! Nếu nói trong sữa quyết định có sữa đặc thì trong sữa đặc cũng nên quyết định có tánh của sữa. Vậy vì nhân duyên gì trong sữa sinh ra sữa đặc mà trong sữa đặc chẳng sinh ra sữa? Nếu không nhân duyên thì phải biết là sữa đặc trước không nay có. Vậy nên người trí nên nói, trong sữa chẳng phải có tánh của sữa đặc, chẳng phải không có tánh của sữa đặc. Đây thiện nam! Vậy nên Như Lai ở trong kinh nói lời như vậy: “Tất cả chúng sinh quyết có Phật tánh”. Đó gọi là chấp trước. Nếu nói không Phật tánh thì đó gọi là hư vọng. Người trí nên nói Phật tánh của chúng sinh cũng có cũng không.

Này thiện nam! Bốn việc hòa hợp sinh ra nhân thức. Những gì là bốn? Đó là nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý. Tánh của nhân thức này chẳng phải nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý mà từ sự hòa hợp nên liền được sinh ra. Như vậy nhân thức trước không nay có, đã có rồi lại hoàn không. Vậy phải biết nhân thức không có bản tánh. Tánh của sữa đặc trong sữa cũng như vậy. Hoặc có người nói, nước không có tánh của sữa đặc nên chẳng sinh ra sữa đặc, vậy nên trong sữa nhất định có tánh của sữa đặc thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Đây thiện nam! Vì tất cả

các pháp nhân khác quả khác, cũng chẳng phải một nhân sinh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sinh ra. Nay thiện nam! Như từ bốn yếu tố sinh ra nhân thức thì chẳng thể lại nói từ bốn yếu tố này đáng lẽ sinh ra nhĩ thức. Nay thiện nam! Lìa khỏi phương tiện, trong sữa được sữa đặc, sữa đặc sinh ra váng sữa, hay không được mà cần phải có phương tiện? Nay thiện nam! Kể trí chẳng thể thấy, lìa khỏi phương tiện mà từ sữa được sữa đặc, váng sữa cũng vậy, không lìa khỏi phương tiện như vậy mà được. Nay thiện nam! Vậy nên ở trong kinh này, Ta nói: “Nhân sinh nên pháp có, nhân diệt nên pháp không. Nay thiện nam! Như tánh của muối là mặn, có thể khiến cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn trước có tánh mặn thì người đời vì sao lại cầu mặn? Nếu trước không tánh mặn thì phải biết là trước không nay có, do duyên khác mà được mặn vậy. Nếu nói tất cả vật chẳng mặn đều có tánh mặn mà vì quá ít nên chẳng biết, thì do tánh mặn quá ít này có thể khiến cho mặn. Nếu vốn không tánh mặn thì tuy có muối nhưng chẳng thể khiến cho nó mặn được. Ví như hạt giống tự có bốn đại duyên với bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng mầm chồi, thân cây, cành lá. Tánh của muối cũng vậy thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì vật chẳng mặn, trước có tánh mặn thì muối đáng lẽ cũng có ít tánh chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh như vậy thì vì nhân duyên gì mà lìa khỏi vật chẳng mặn, chẳng thể dùng một mình muối thôi? Vậy nên biết là muối vốn không hai tánh. Như muối, tất cả vật chẳng mặn cũng như vậy. Nếu nói sức bốn đại bên ngoài có thể làm tăng trưởng bốn đại bên trong thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nói theo thứ lớp. Chẳng từ phương tiện mà trong sữa có sữa đặc, váng sữa, cho đến tất cả các pháp đều chẳng như vậy, chẳng phải do phương tiện mà được. Bốn đại cũng như vậy. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài làm tăng trưởng bốn đại bên trong, chẳng thấy từ bốn đại bên trong làm tăng trưởng bốn đại bên ngoài, như trái cây Thi-lợi-sa, trước không hình chất nhưng khi có sao Mão thì trái sinh ra lớn đủ năm tấc, thì như vậy thật chẳng nhân vào bốn đại bên ngoài mà lớn.

Nay thiện nam! Như lời Ta nói, Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc Ta theo ý mình mà nói, hoặc theo ý người khác mà nói, hoặc

theo ý mình và ý người khác mà nói.

Sao gọi là theo ý mình nói? Như năm trăm vị Tỳ-kheo hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thưa Đại đức! Đức Phật nói, nhân của thân là gì?”. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Này các Đại đức! Các ông cũng đều được chánh giải thoát thì tự nên biết. Vì duyên gì mà hỏi như vậy?”. Có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Khi tôi chưa chứng được chánh giải thoát thì cho là ý vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi khởi quán này thì đắc quả A-la-hán”. Lại có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Khi tôi chưa chứng được giải thoát chân chánh thì cho ái vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi khởi quán này thì đắc quả A-la-hán”. Hoặc có vị nói, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, ẩm thực, năm dục v.v... tức là nhân của thân. Bấy giờ năm trăm vị Tỳ-kheo, ai cũng đều tự nói sự hiểu biết của mình, rồi cùng đi đến chỗ Ta, cúi đầu dưới chân Ta, đi quanh về bên phải ba vòng, lễ bái xong rồi họ lui ngồi một bên, rồi ai cũng đem ý nghĩa hiểu biết của mình như trên, hướng về Ta mà trình bày. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy thì ai nói đúng? Ai nói chẳng đúng?”. Ta bảo: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hay thay! Hay thay! Tất cả Tỳ-kheo ai cũng nói đúng cả”. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: “Bạch Thế Tôn! Ý Phật thế nào?”. Ta bảo: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ta vì chúng sinh cõi Dục nói, cha mẹ tức là nhân của thân”. Những kinh như vậy gọi là theo ý của mình mà nói.

Sao gọi là theo ý người khác nói? Như ông trưởng giả Ba-tra-la đi đến chỗ của Ta nói thế này: “Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài biết huyện không? Nếu Ngài biết huyện tức là người đại huyện. Nếu Ngài chẳng biết thì chẳng phải là Nhất thiết trí”. Ta nói: “Này Trưởng giả! Người biết huyện gọi là người huyện sao?”. Ông Trưởng giả nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! Người biết huyện tức là người huyện”. Phật nói: “Này trưởng giả! Bên trong nước Xá-vệ của vua Ba-tư-nặc, có người Chiên-đà-la tên là Khí Hư. Ông có biết không?”. Ông Trưởng giả đáp: “Thưa Cù-đàm! Tôi biết ông đó đã lâu”. Ta nói: “Ông biết lâu thì có thể trở thành Chiên-đà-la chăng?”. Ông Trưởng giả nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi tuy biết người Chiên-đà-la đó nhưng thân này của tôi chẳng phải Chiên-đà-la”. Đức Phật nói:

“Này trưởng giả! Ông đã nắm được nghĩa này, biết Chiên-đà-la thì chẳng phải là Chiên-đà-la, thì Ta nay vì sao chẳng được biết huyễn mà chẳng phải huyễn? Này Trưởng giả! Ta thật biết huyễn, biết người huyễn, biết quả báo huyễn, biết kỹ thuật huyễn. Ta biết giết, biết người giết, biết quả báo của giết, biết giải thoát sự giết cho đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Này trưởng giả! Nếu nói người chẳng phải huyễn gọi là người huyễn, người chẳng phải tà kiến nói là người tà kiến thì bị tội không lường”. Trưởng giả nói: “Thưa Cù-đàm! Như lời Ngài nói thì tôi bị tội lớn. Nay của cải của tôi đều đem dâng lên Ngài, mong Ngài chớ cho vua Ba-tư-nặc kia biết việc này của tôi”. Phật nói: “Này trưởng giả! Nhân duyên của tội đó chẳng phải là mất của cải mà nhân đó bị rơi vào ba đường ác”. Khi đó trưởng giả nghe đến tên cõi ác thì lòng sinh kinh sợ, thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn! Tôi nay thất ý chuốc lấy tội lớn! Thưa Thế Tôn! Thế Tôn là đấng Nhất Thiết Trí nên phải biết rõ, chứng được giải thoát. Tôi phải làm sao để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh?”. Bấy giờ, Ta vì ông đó nói bốn chân đế. Ông trưởng giả nghe rồi thì được quả Tu-đà-hoàn, lòng sinh hổ thẹn, hướng về Ta sám hối: “Con vốn ngu si, Phật chẳng phải người huyễn mà nói là huyễn. Con từ hôm nay quy y Tam bảo”. Ta bảo: “Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả!”. Đó gọi là theo ý người khác mà nói.

Sao gọi là theo ý mình và ý người khác nói? Như lời Ta nói, tất cả kể trí của thế gian nói có thì Ta cũng nói có. Kể trí nói không thì Ta cũng nói không. Người trí thế gian nói năm dục lạc có vô thường, khổ, không, vô ngã, có thể đoạn thì Ta cũng nói là có. Người trí thế gian nói năm dục lạc có thường ngã tịnh thì đó là điều không có. Ta cũng nói như vậy, không có điều đó. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói. Này thiện nam! Như lời Ta nói, Bồ-tát Thập Trụ thấy ít Phật tánh. Đó gọi là theo ý người khác mà nói. Vì sao gọi là thấy ít? Vì Bồ-tát Thập Trụ được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm v.v... ba ngàn pháp môn. Vậy nên tự biết rõ ràng họ sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng thấy tất cả chúng sinh nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, Bồ-tát Thập Trụ

thấy phần ít Phật tánh. Đây thiện nam! Ta tuy thường nói “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Đó gọi là theo ý mình nói. “Tất cả chúng sinh chẳng đoạn chẳng diệt cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đó gọi là theo ý mình nói. “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì phiền não che nên chẳng thể thấy được”, Ta nói như vậy, ông nói như vậy. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói.

Này thiện nam! Như Lai, hoặc khi vì một pháp mà nói vô lượng pháp, như trong kinh nói, tất cả nhân phạm hạnh là thiện tri thức. Nhân của tất cả phạm hạnh tuy không lường, nhưng nói thiện tri thức thì đã bao gồm hết. Như lời Ta nói, tất cả hạnh ác thì tà kiến là nhân. Nhân của tất cả hạnh ác tuy không lường nhưng nếu nói tà kiến thì đã bao gồm hết. Hoặc nói: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lấy tín tâm làm nhân. Nhân của Bồ-đề này tuy lại không lường nhưng nếu nói tín tâm thì đã bao gồm hết. Đây thiện nam! Như Lai tuy nói vô lượng các pháp để làm rõ Phật tánh, nhưng chẳng lìa ấm nhập và giới.

Này thiện nam! Như Lai nói pháp cho chúng sinh, có bảy cách nói: Một là nói nhân, hai là nói quả, ba là nói nhân quả, bốn là nói dụ, năm là nói điều chẳng có, sáu là nói điều thông thường ở đời, bảy là nói như ý.

Sao gọi là nói nhân? Trong nhân hiện tại nói quả vị lai. Như Ta nói: “Đây thiện nam! Ông thấy chúng sinh ưa giết hại cho đến ưa hành tà kiến, thì phải biết người đó tức là người của địa ngục. Đây thiện nam! Nếu có chúng sinh chẳng ưa giết hại cho đến tà kiến thì phải biết người đó tức là hàng trời, người. Đó gọi là nói nhân.

Sao gọi là nói quả? Trong quả hiện tại nói nhân quá khứ. Như trong kinh nói: “Đây thiện nam! Như ông đã thấy, chúng sinh nghèo cùng, hình dung xấu xí, chẳng được tự tại, thì phải biết người đó chắc chắn có phá giới, lòng ganh ghét, lòng sân hận, lòng không hổ thẹn. Nếu thấy chúng sinh nhiều của cải, giàu có, các căn đầy đủ, uy đức tự tại thì phải biết người đó có trì giới, bố thí, tinh cần, hổ thẹn, không có ganh ghét, sân hận”. Đó gọi là nói quả.

Sao gọi là nói nhân quả? Như trong kinh nói: “Đây thiện nam!

Nhân tiếp xúc sáu nhập của chúng sinh hiện tại thì đó gọi là nghiệp quả của quá khứ”. Như Lai cũng nói, tên đó là nghiệp. Nhân duyên của nghiệp này được quả vị lai. Đó gọi là nói nhân quả.

Sao gọi là nói dụ? Như nói: Vua sư tử tức là dụ cho thân Ta, hay là đại Tượng vương, đại Long vương, cây Ba-lợi-chất-đa-la, Thất bảo tụ, Đại hải, Tu-di sơn, Đại địa, Mưa lớn, Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự, Trượng phu, Lực sĩ, Ngưu vương, Bà-la-môn, Sa-môn, Đại thành, cây Đa-la v.v... những dụ như vậy, kinh gọi là nói dụ.

Sao gọi là nói điều chẳng có? Trong kinh Ta nói: “Trời đất có thể hợp lại, sông chẳng chảy vào biển”. Như vì vua Ba-tư-nặc nói: “Bốn phương núi đến”. Như vì Ưu-bà-di Lộc Mẫu nói: “Nếu cây Ta-la có thể thọ tám giới thì được thọ hưởng niềm vui của người trời”. Như nói: “Thà nói Bồ-tát Thập Trụ có tâm thoái chuyển, chứ chẳng nói Như Lai có nói hai lời. Thà nói người Tu-đà-hoàn đọa vào ba đường ác, chứ chẳng nói Bồ-tát Thập Trụ có tâm thoái chuyển”. Đó gọi là nói điều chẳng có.

Sao gọi là nói điều thông thường? Như Ta nói: “Trai gái, lớn nhỏ, đi lại ngồi nằm, xe cộ, phòng xá, bình áo, chúng sinh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân đội, rừng, thành ấp, huyễn hóa, hợp tan v.v... Đó gọi là nói điều thông thường ở đời.

Sao gọi là nói như ý? Như Ta quở trách người hủy giới cấm khiến cho người đó tự trách mà hộ trì giới cấm. Như Ta khen ngợi người Tu-đà-hoàn khiến cho các phàm phu sinh ra lòng thiện. Ta khen ngợi Bồ-tát khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Ta nói sự khổ não của ba đường ác khiến mọi người tu tập các pháp thiện. Ta nói tất cả đều bị đốt cháy là chỉ cho tất cả pháp hữu vi, vô ngã cũng vậy. Ta nói, các chúng sinh đều có Phật tánh là vì khiến cho tất cả chẳng buông lung. Đó gọi là lời như ý.

Này thiện nam! Như Lai lại có lời nói theo ý mình: Phật tánh của Như Lai có hai: một là có, hai là không. Có, đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Mười lực, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, đại từ đại bi, vô lượng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vô lượng Tam-muội Kim cương, vô lượng Tam-muội Phương tiện, vô lượng Tam-muội

Ngũ trí ấn. Đó gọi là có. Không, đó là Như Lai, trong quá khứ không có thiện, chẳng thiện, vô ký, nghiệp, nhân, quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên. Đó gọi là không.

Này thiện nam! Như có không, thiện chẳng thiện, có lậu không lậu, thế gian chẳng phải thế gian, thánh chẳng phải thánh, hữu vi vô vi, thật chẳng thật, tịch tĩnh chẳng phải tịch tĩnh, tranh cãi chẳng phải tranh cãi, cõi chẳng phải cõi, phiền não chẳng phải phiền não, thủ chẳng phải thủ, thọ ký chẳng phải thọ ký, có chẳng phải có, ba đời chẳng phải ba đời, thời chẳng phải thời, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tưởng hành thức chẳng phải sắc thọ tưởng hành thức, nội nhập chẳng phải nội nhập, ngoại nhập chẳng phải ngoại nhập, mười hai nhân duyên chẳng phải mười hai nhân duyên, đó gọi là có, không có Phật tánh của Như Lai... cho đến có, không có Phật tánh của Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

Này thiện nam! Ta tuy nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà chúng sinh chẳng hiểu được những lời nói theo ý mình như vậy của Ta.

Này thiện nam! Những lời nói như vậy của Bồ-tát thân sau còn chẳng thể hiểu huống gì là đối với hàng Nhị thừa và các hạng Bồ-tát khác. Này thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật, cùng với Bồ-tát Di-lặc chung luận bàn thế đế. Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... năm trăm Thanh văn đối với việc này đều chẳng hay biết, huống gì là đệ nhất nghĩa đế xuất thế.

Này thiện nam! Hoặc có Phật tánh, Nhất-xiển-đề thì có mà người thiện căn thì không. Hoặc có Phật tánh, người thiện căn có mà Nhất-xiển-đề thì không. Hoặc có Phật tánh, cả hai đều có. Hoặc có Phật tánh, cả hai đều không.

Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nếu hiểu được ý nghĩa của bốn câu như vậy thì chẳng nên nạn vấn, người Nhất-xiển-đề nhất định có Phật tánh, hay nhất định không có Phật tánh? Nếu nói chúng sinh đều có Phật tánh thì đó gọi là theo lời nói tự ý của Như Lai. Lời nói tự theo ý như vậy của Như Lai thì chúng sinh làm sao hiểu một hường được.

Này thiện nam! Như trong sông Hằng có bảy loài chúng sinh: Một là thường chìm, hai là tạm nổi rồi trở lại chìm, ba là nổi rồi dừng lại, bốn là nổi rồi quan sát khắp bốn phương, năm là quan sát khắp rồi đi, sáu là đi rồi dừng lại, bảy là trên nước trên đất đều đi. Chúng sinh thường chìm là gọi loài cá lớn thọ nghiệp ác lớn, thân nặng ở sâu. Vậy nên thường chìm. Chúng sinh tạm nổi rồi chìm trở lại như loài cá lớn thọ nghiệp ác, thân nặng ở cạn, tạm thấy ánh sáng. Nhân ánh sáng nên nó tạm nổi nhưng vì nặng nên chìm trở lại. Chúng sinh nổi rồi liền dừng là gọi loài cá Chỉ đi, thân ở nước cạn, ưa thấy ánh sáng nên nổi rồi dừng lại. Chúng sinh dừng lại nhìn khắp bốn phương là gọi loài cá tích, vì kiếm tìm thức ăn nên quan sát khắp bốn phương. Chúng sinh quan sát rồi đi là gọi loài cá tích, từ xa thấy vật khác cho là có thể ăn nên mau chóng đi đến đó. Chúng sinh quan sát rồi đi, đi rồi dừng lại là loài cá này đi đến rồi, đã được mỗi có thể ăn thì liền dừng lại nên gọi là đi rồi dừng lại. Chúng sinh trên nước, đất đều đi tức là loài rùa.

Này thiện nam! Dòng sông Đại Niết-bàn vi diệu cũng vậy, trong sông ấy cũng có bảy loài chúng sinh: Từ loài đầu tiên thường chìm cho đến loài thứ bảy hoặc vào hoặc ra. Nói thường chìm là, có người nghe kinh Đại Niết-bàn này, nói là Như Lai thường trụ không có biến dịch, thường, lạc, ngã, tịnh, nhất định chẳng rớt vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, người Nhất-xiển-đề bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm nhất định sẽ được thành đạo Bồ-đề, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi v.v... nhất định sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe những lời nói này rồi, họ sinh ra lòng bất tín liền nghĩ và nói thế này: “Kinh điển Niết-bàn này là sách ngoại đạo, chẳng phải là kinh Phật”. Người này, bấy giờ xa lìa bạn tốt, chẳng nghe chánh pháp. Tuy có lúc họ được nghe nhưng chẳng thể tư duy. Tuy họ lại tư duy nhưng chẳng tư duy thiện, mà chẳng tư duy thiện nên như trụ ở pháp ác. Người trụ ở pháp ác có sáu thứ: Một là ác, hai là không thiện, ba là làm ô nhiễm pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả báo ác. Đó gọi là chìm. Vì sao bị chìm? Vì không lòng thiện, thường làm ác, chẳng tu đối trị.

Đó gọi là chìm. Sở dĩ gọi rằng ác là bị Thánh nhân quở trách, lòng sinh bố úy, người thiện xa lìa chẳng ích chúng sinh. Đó gọi là ác. Nói không thiện là, có thể sinh ra vô lượng quả báo ác, thường bị sự trói buộc của vô minh, ưa cùng người ác làm bạn bè, không có tu các phương tiện tốt, lòng điên đảo, thường lầm lẫn. Đó gọi là không thiện. Nói rằng làm ô nhiễm pháp là, thường làm ô nhiễm thân miệng, làm ô nhiễm chúng sinh thanh tịnh, tăng thêm nghiệp bất thiện, xa lìa pháp thiện. Đó gọi là làm ô nhiễm pháp. Nói tăng hữu là, làm những điều như ba người trên đã làm, có thể tăng thêm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, nghiệp thân, miệng, ý chẳng chán các hữu. Đó gọi là tăng hữu. Nói não nhiệt là, người ấy làm đủ bốn việc như trên có thể khiến cho tâm có hai việc phiền não. Xa lìa tịch tĩnh thì gọi là nhiệt. Thọ quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các chúng sinh nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các pháp thiện nên gọi là nhiệt. Đây thiện nam! Lòng tin thanh lương thì người này chẳng đủ, nên gọi là nhiệt. Nói người thọ quả báo ác là, người đầy đủ năm việc trên, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đây thiện nam! Có ba việc ác, lại gọi là quả báo ác: Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác. Đó gọi là thọ quả báo ác.

Này thiện nam! Người này đầy đủ sáu việc như trên thì có thể cắt đứt căn lành, tạo tác năm tội ngũ nghịch, có thể phạm bốn trọng cấm, có thể hủy báng Tam bảo, sử dụng vật của chúng Tăng, có thể làm đủ thứ việc phi pháp. Do nhân duyên này nên chìm đắm ở tại địa ngục A-tỳ, phải thọ thân hình dọc ngang tám vạn bốn ngàn do diên. Nghiệp thân, miệng, ý của người này nặng nên chẳng thể thoát ra. Vì sao? Vì tâm người ấy chẳng thể sinh ra pháp thiện nên tuy có vô lượng những Đức Phật ra đời mà chẳng nghe chẳng thấy nên gọi là thường chìm mất như con cá lớn trong dòng sông Hằng.

Này thiện nam! Ta tuy nói Nhất-xiển-đề v.v... gọi là thường chìm nhưng lại có người thường chìm mà chẳng phải Nhất-xiển-đề. Đó là ai vậy? Như người vì cõi giới mà tu thí, giới, thiện. Đó gọi là thường chìm.

Này thiện nam! Có bốn việc thiện mà gạt lấy quả ác. Những gì

là bốn? Một là vì muốn hơn người khác nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì giới cấm, ba là vì lệ thuộc người khác mà làm bố thí, bốn là vì phi tướng phi phi tướng xứ nên lắng lòng tư duy. Đó là bốn việc thiện bị quả báo ác. Nếu người tu tập bốn việc này thì đó gọi là chìm rồi trở lại nổi, nổi rồi trở lại chìm. Vì sao gọi là chìm? Vì ưa ba hữu. Vì sao gọi là nổi? Vì do thấy ánh sáng. Ánh sáng tức là nghe thí, giới, định. Vì sao trở lại chìm? Vì tăng trưởng tà kiến, sinh ra kiêu mạn. Vậy nên ở trong kinh Ta nói kệ:

*Nếu có chúng sinh ưa các hữu
 Vì có tạo tác nghiệp thiện ác
 Người này liền mất đạo Niết-bàn
 Đó gọi tạm nổi trở lại chìm.
 Đi trong biển sinh tử hắc ám
 Tuy được giải thoát xen phiền não
 Người này trở lại thọ quả ác
 Đó gọi tạm nổi trở lại chìm.*

Này thiện nam! Như con cá lớn kia nhân thấy ánh sáng nên tạm được nổi lên mặt nước. Nhưng cá ấy nặng nên trở lại chìm đắm. Như hai người trên cũng như vậy.

Này thiện nam! Lại hoặc có người đam mê ba hữu thì đó gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết-bàn này sinh ra lòng tin thì đó gọi là nổi. Vì nhân duyên gì gọi đó là nổi? Vì nghe kinh này rồi, xa lìa pháp ác, tu tập pháp thiện nên đó gọi là nổi. Người này tuy tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà tin chẳng đầy đủ? Vì người này tuy tin Đại Bát Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh nhưng nói thân Như Lai vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như Lai thì có hai thứ Niết-bàn, một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết-bàn không thường, lạc, ngã, tịnh; vô vi Niết-bàn có thường, lạc, ngã, tịnh. Họ tuy tin chúng sinh có Phật tánh nhưng nhất định chẳng phải tất cả đều có Phật tánh. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ.

Này thiện nam! Tin có hai thứ, một là tin, hai là cầu. Người như vậy tuy lại có tin nhưng chẳng thể tìm cầu. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là từ nghe sinh ra, hai là từ nghĩ sinh

ra. Lòng tin của người này từ nghe mà sinh ra, chẳng từ nghĩ sinh ra. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là tin có đạo, hai là tin người đắc đạo. Lòng tin người này chỉ tin có đạo, hoàn toàn chẳng tin có người đắc đạo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là tin chánh, hai là tin tà. Nói có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng thì đó gọi là tin chánh. Nói không có nhân quả, tánh Tam bảo khác, tin các lời nói tà vạy, Phú-đan-na v.v... thì đó gọi là tin tà. Người này tuy tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, nhưng chẳng tin Tam bảo đồng một tánh tướng. Họ tuy tin nhân quả nhưng chẳng tin người thọ quả báo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Người đó thành tựu lòng tin chẳng đầy đủ, việc thọ giới cấm cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ? Vì nhân chẳng đủ nên giới cấm đã đắc cũng chẳng đầy đủ. Lại vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ? Vì giới cấm có hai thứ: một là giới oai nghi, hai là giới tòng giới. Người đó tuy đầy đủ giới oai nghi nhưng chẳng đủ giới tòng giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Lại, giới có hai thứ: một là tác giới, hai là không tác giới. Người đó chỉ đủ tác giới chẳng đủ không tác giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là từ thân miệng được chánh mạng, hai là từ thân miệng chẳng được chánh mạng. Người đó từ thân miệng chẳng được chánh mạng nên gọi đó là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là giới cầu, hai là giới xả. Người đó chỉ đủ giới cầu, chẳng được giới xả. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người đó chỉ đủ giới tùy hữu, chẳng đủ giới tùy đạo. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là giới thiện, hai là giới ác. Thân, miệng, ý thiện thì đó gọi là giới thiện. Giới của trâu, giới của chó thì đó gọi là giới ác. Người đó tin sâu hai thứ giới này đều có quả báo thiện. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng đầy đủ hai việc là tín và giới. Việc tu học đa văn cũng chẳng đầy đủ thì làm sao gọi là nghe chẳng đầy đủ? Mười hai bộ loại kinh văn mà Như Lai đã nói chỉ tin sáu bộ, chẳng tin sáu bộ. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Tuy thọ trì sáu bộ loại kinh văn này nhưng chẳng thể đọc tụng, vì người khác giảng nói, không

có sự lợi ích. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Lại nữa, thọ nhận sáu bộ kinh này rồi vì luận nghị, vì hơn kẻ khác, vì lợi dưỡng, vì các hữu nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói, vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Nay thiện nam! Ở trong kinh Ta nói, nghe đầy đủ thì thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ-kheo, thân, miệng, ý thiện, trước có thể cúng dường Hòa thượng, các sư trưởng, người có đức. Những vị sư trưởng đó v.v... đối với người này sinh lòng ái niệm. Do nhân duyên này nên các vị dạy trao kinh pháp, người đó hết lòng thọ trì, đọc tụng, tu tập. Thọ trì, đọc tụng, tu tập rồi thì thu được trí tuệ, được trí tuệ rồi thì có thể khéo suy nghĩ, theo đúng như pháp mà trụ. Khéo suy nghĩ rồi thì được chánh nghĩa, được chánh nghĩa rồi thì thân tâm tịch tĩnh, thân tâm tịch tĩnh rồi thì sinh tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên tâm được định, nhân được định nên được chánh tri kiến. Có chánh tri kiến rồi thì đối với các hữu, lòng sinh nhàm chán, mà nhàm chán các hữu nên có thể được giải thoát. Người đó không có những việc như vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ ba việc như vậy thì thí cũng chẳng đầy đủ. Thí có hai thứ, một là tài thí, hai là pháp thí. Người đó tuy thực hiện tài thí mà vì cầu có nên tuy hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì còn giữ kín chẳng nói hết sợ người khác hơn. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Tài, pháp hai thứ thí đều có hai thứ, một là thánh, hai là chẳng phải thánh. Thánh thì thí rồi chẳng cầu quả báo. Chẳng phải thánh thì thí rồi cầu quả báo. Bạc Thánh thí pháp làm tăng trưởng pháp. Kẻ chẳng phải thánh thí pháp làm tăng trưởng các hữu. Những người như vậy vì thêm của cải mà hành tài thí, vì thêm các hữu mà hành pháp thí. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Lại nữa, người đó thọ nhận sáu bộ kinh văn mà thấy người thọ pháp thì cung cấp, còn người chẳng thọ thì chẳng cung cấp. Đó gọi là thí chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ bốn việc như trên thì việc tu trí tuệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí tuệ là tánh có thể phân biệt. Người đó chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Ở trong kinh Niết-bàn này Như Lai nói, Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là giải thoát. Ở trong

nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Phạm hạnh tức là Như Lai, Như Lai tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Từ, Bi, Hỷ, Xả tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đối với nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt được Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là pháp bất cộng. Đối với nghĩa này họ chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt bốn đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Chẳng thể phân biệt bốn chân đế nên chẳng biết thánh hạnh, chẳng biết thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết-bàn. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ năm việc như vậy thì có hai thứ, một là tăng trưởng pháp thiện, hai là tăng trưởng pháp ác. Sao gọi là tăng trưởng pháp ác? Người đó chẳng thấy mình chẳng đầy đủ mà tự nói đầy đủ và sinh lòng chấp trước, đối với người đồng hành tự cho mình hơn. Vậy nên họ thân cận bạn ác đồng với mình. Đã thân cận rồi lại còn được nghe pháp chẳng đầy đủ, nghe rồi lòng vui mừng và lòng họ nhiễm trước khởi lên kiêu mạn, hành động nhiều phóng dật, rồi nhân phóng dật nên gần gũi với hàng tại gia, cũng ưa nghe nói việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh. Do nhân duyên này nên thêm lớn pháp ác, pháp ác tăng nên thân, miệng, ý khởi nghiệp bất tịnh. Vì ba nghiệp bất tịnh nên thêm lớn quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó gọi là tạm nổi rồi trở lại chìm. Tạm nổi rồi trở lại chìm thì trong pháp Phật của Ta người ấy là ai? Là Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Cù-già-ly, Tỳ-kheo Uyển Thủ, Tỳ-kheo Thiện Tinh, Tỳ-kheo Chỉ-đề-xá, Tỳ-kheo Mãn Túc, Tỳ-kheo-ni Từ Địa, Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, Tỳ-kheo-ni Phương, Tỳ-kheo-ni Mạn, trưởng giả Tịnh Khiết, Ưu-bà-tắc Cầu Hữu, Xá Lặc Thích Chúng, Trưởng giả Tượng, Ưu-bà-di Danh Xưng, Ưu-bà-di Quang Minh, Ưu-bà-di Nan-đà, Ưu-bà-di Quân, Ưu-bà-di Linh v.v... Những người như vậy gọi là tạm nổi rồi trở lại chìm ví như con cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên mà thân nặng nên chìm.

Người thứ hai tự thấy biết sâu xa là sự tu hành chẳng đầy đủ,

chẳng đầy đủ nên cầu gần gũi bạn lành, gần gũi bạn lành nên ưa hỏi han điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ, thọ rồi ưa suy nghĩ tốt, suy nghĩ tốt rồi có thể trụ đúng như pháp, trụ đúng như pháp nên thêm lớn căn lành, thêm lớn căn lành nên nhất định chẳng chìm. Đó gọi là trụ. Trong pháp Phật của Ta, những người ấy là ai? Đó là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nhã Kiều-trần-như v.v... năm vị Tỳ-kheo, Già-xá v.v... năm trăm vị Tỳ-kheo, đồng tử A-nâu-lâu-đà, Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập lực Ca-diếp, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Ba-tra-la-hoa, Tỳ-kheo-ni Thắng, Tỳ-kheo-ni Thật Nghĩa, Tỳ-kheo-ni Ý, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, Tỳ-kheo-ni Tịnh, Tỳ-kheo-ni Bất Thoái Chuyển, Vua Tần-bà-ta-la, Trưởng giả Úc-già, Trưởng giả Tu-đạt-đa, Thích Ma-nam, Bần-tu-đạt-đa, con ông Trưởng giả Thử Lang, Trưởng giả Danh Xưng, Trưởng giả Cự Túc, Tướng quân Sư Tử, Trưởng giả Ưu-ba-ly, Trưởng giả Đao, Ưu-bà-di Vô Úy, Ưu-bà-di Thiện Trụ, Ưu-bà-di Ái Pháp, Ưu-bà-di Dũng Kiện, Ưu-bà-di Thiên Đắc, Ưu-bà-di Thiện Sinh, Ưu-bà-di Cự Thân, Ưu-bà-di Ngưu Đắc, Ưu-bà-di Khoáng Dã, Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na v.v... Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di như vậy được gọi là trụ. Sao gọi là trụ? Thường ưa nhìn thấy ánh sáng thiện. Do nhân duyên này nếu Phật ra đời, hoặc chẳng ra đời thì những người như vậy nhất định chẳng tạo ác. Đó gọi là trụ. Như loài cá Chỉ-di ưa thấy ánh sáng chẳng đắm chẳng chìm, những chúng như trên cũng như vậy. Vậy nên, ở trong kinh Ta nói kệ:

*Người khéo có thể phân biệt nghĩa
Hết lòng cầu quả vị Sa-môn
Và hay quả trách tất cả hữu
Người ấy gọi là trụ như pháp.
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
Có thể tu đạo vô lượng đời
Hưởng vui thế gian chẳng buông lung
Người đó gọi là trụ như pháp.
Thân cận bạn lành nghe chánh pháp
Trong khéo tư duy, trụ như pháp*

*Tu tập đạo, ưa thấy quang minh
Chúng được giải thoát trụ yên ổn.*

